

Số/No: 202376 /TB-FUEIP100

**THÔNG BÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN CƠ CẤU GÓP VỐN
ĐỂ HOÁN ĐỔI LẤY MỘT LÔ CHỨNG CHỈ QUỸ ETF
BASKET OF COMPONENT SECURITIES TO EXCHANGE**

Kính gửi:

- Sở giao dịch Chứng khoán TP. HCM/ Ho Chi Minh Stock Exchange
- Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam/ Vietnam Securities Depository
- Các Thành Viên Lập Quỹ, Nhà đầu tư/ Authorised Participants and Investors

1. Tên CTQLQ/Fund management Company:

Công ty TNHH Một Thành Viên Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán I.P.A
/ I.P.A Securities Investment Fund Management Limited Company

2. Tên Ngân hàng giám sát/ Supervisory Bank: Ngân hàng Vietcombank

3. Mã chứng khoán/ Securities code: FUEIP100

4. Tên quỹ ETF/ ETF name: Quỹ ETF IPAAM VN100

5. Địa chỉ trụ sở chính/ Main office address: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

6. Ngày giao dịch hoán đổi/Exchange Date: 07/07/2023

7. Đơn vị tính/Unit: 1 lô ETF = 100.000 Chứng chỉ quỹ ETF/ 1 Creation Unit = 100.000 ETF shares.

Danh mục và tỷ lệ chứng khoán cơ cấu hoán đổi 1 lô ETF/

Component and weight of securities to exchange for an ETF Creation Unit as follow:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
No	Securities code	Quantity	Weight
I.	Chứng khoán/Stock		
1	VPB	2,400	5.96%
2	FPT	600	5.68%
3	HPG	1,600	5.49%
4	TCB	1,100	4.41%
5	ACB	1,600	4.41%
6	VIC	600	3.84%
7	VCB	300	3.84%
8	VHM	500	3.46%
9	VNM	400	3.58%
10	SSB	1,000	3.63%
11	STB	900	3.33%
12	MBB	1,200	3.08%
13	MSN	300	2.90%
14	MWG	500	2.74%
15	HDB	900	2.08%
16	SHB	1,200	1.99%
17	SAB	100	1.95%
18	EIB	700	1.77%
19	VRE	500	1.71%
20	SSI	500	1.67%
21	TPB	700	1.62%

22	VIB	600	1.49%
23	CTG	400	1.49%
24	MSB	900	1.44%
25	LPB	700	1.38%
26	VND	500	1.15%
27	VJC	100	1.20%
28	GAS	100	1.21%
29	KBC	300	1.14%
30	VCI	200	1.02%
31	FRT	100	0.95%
32	PNJ	100	0.92%
33	NVL	500	0.91%
34	OCB	400	0.92%
35	VHC	100	0.91%
36	DGC	100	0.86%
37	REE	100	0.83%
38	KDC	100	0.79%
39	KDH	200	0.77%
40	GEX	300	0.72%
41	GMD	100	0.68%
42	VPI	100	0.66%
43	HSG	300	0.62%
44	BVH	100	0.57%
45	BID	100	0.56%
46	DGW	100	0.55%
47	DIG	200	0.53%
48	POW	300	0.50%
49	PLX	100	0.51%
50	DPM	100	0.45%
51	NLG	100	0.41%
52	HDG	100	0.39%
53	NT2	100	0.38%
54	HCM	100	0.38%
55	PC1	100	0.33%
56	PVD	100	0.32%
57	PVT	100	0.29%
58	DBC	100	0.30%
59	VCG	100	0.27%
60	PAN	100	0.25%
61	GVR	100	0.26%
62	CH	100	0.23%
63	NKG	100	0.22%
64	PDR	100	0.21%

10270
CỘNG HÒA
MỘT TH
AN LÝ
CHỦNG
I.
TRU

65	SBT	100	0.20%
66	HHV	100	0.19%
67	DXG	100	0.19%
68	TCH	100	0.12%
69	SCR	100	0.10%
70	SAM	100	0.09%
II.	Tiền/Cash (VND)	3,728,955	

Chênh lệch giữa giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu và giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF hoá đổi/

Difference between the value of securities basket and the offering price of an ETF creation Unit as follow:

Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/Value of component securities basket : (VND)	787,364,000
Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ Value per ETF creation unit : (VND)	791,092,955
Giá trị chênh lệch/Cash component : (VND)	3,728,955

Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ Plan to reduce the difference:

- Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/For Creation Order:

Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ Transfer the difference in to the Fund's Account.

- Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/For Redemption Order:

Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ Receive the difference from the Fund after subtracting tax and redemption fee.

Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay thế bằng tiền (nếu có)/ In case, component securities can be replaced by cash (if any)

STT	Mã chứng khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu	Đối tượng áp dụng	Lý do
No.	Securities code	Substitution cash per share VND	Applied to	Reason
1	ACB	21,700	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
2	BID	43,950	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định khoản 4(a) điều 28 thông tư 121/2020/TT-BTC BVSC: Restriction of ownership by Circular
3	FPT	74,600	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
4	GMD	53,500	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
5	MBB	20,200	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
6	MWG	43,200	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
7	PNJ	72,600	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
8	REE	65,100	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
9	TCB	31,550	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
10	TPB	18,200	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
11	VPB	19,550	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
12	VND	18,050	VND	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Treasury stock not yet registered for trading

Thông tin đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty/Quỹ tại đường dẫn: <https://ipaam.com.vn/vi/home/>

This information was disclosed on Company/Funds Portal at: <https://ipaam.com.vn/vi/home/>

Đại diện tổ chức/Organization Representative
Người được ủy quyền công bố thông tin/Persons Authorized to Disclose Information
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có) (Signature, full name and seal - if any)



Tổng giám đốc
Nguyễn Hồ Nga

